TỈNH PHÚ THỌ - HUYỆN HẠ HOÀ

QUY HOẠCH CHI TIẾT TỶ LỆ 1/500 ĐIỂM DÂN CƯ NÔNG THÔN PHỤC VỤ TÁI ĐỊNH CƯ VÀ ĐẤU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT THUỘC KHU 15 - XÃ XUÂN ÁNG - HUYỆN HẠ HOÀ

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT

TỈ LỆ XÍCH

0 5 10 15 25

1 CM = 5M

B

BẢNG CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT ĐỐI VỚI TỪNG LÔ ĐẤT

Stt	Loại đất quy hoạch	Ký hiệu	Diện tích	Tỷ lệ	Mật độ XD	Tầng cao TB	Hệ số SD đất	Diện tích XD	Diện tích sàn	Số hộ	Dân số
			(m2)	(%)	(%)	(Tầng)	(lần)	(m2)	(m2)	(hộ)	(người)
	Tổng diện tích đất lập quy hoạch		74.104,0	100,0	33,3	1-5	1,2	24.681	87.365	221	884
I	Đất nhà ở	LK-TDC	25.875,3	34,9	83,9	3,5	2,9	21.706	75.972	221	884
1	*Đất nhà ở liền kề*	*LK*	*20.208,0*	*27,3*	*89,6*	*3,5*	*3,1*	*18.114*	*63.398*	*199*	*796*
		LK-01	*5.248,0*	*7,1*	*89,8*	*3,5*	*3,1*	*4.712*	*16.494*	*52*	*208*
		LK-02	*5.248,0*	*7,1*	*89,8*	*3,5*	*3,1*	*4.712*	*16.494*	*52*	*208*
		LK-03	*2.648,0*	*3,6*	*89,6*	*3,5*	*3,1*	*2.372*	*8.304*	*26*	*104*
		LK-04	*2.648,0*	*3,6*	*89,6*	*3,5*	*3,1*	*2.372*	*8.304*	*26*	*104*
		LK-05	*3.104,0*	*4,2*	*89,1*	*3,5*	*3,1*	*2.766*	*9.680*	*30*	*120*
		LK-06	*1.312,0*	*1,8*	*89,8*	*3,5*	*3,1*	*1.178*	*4.123*	*13*	*52*
2	*Đất nhà ở tái định cư*	*TDC*	*5.667,3*	*7,6*	*63,4*	*3,5*	*2,2*	*3.593*	*12.574*	*22*	*88*
II	Đất thể dục thể thao	TD	2.362,4	3,2	40,0	2,0	0,8	945	1.890		
III	Đất dịch vụ thương mại	DV	4.671,3	6,3	40,0	5,0	2,0	1.869	9.343		
IV	Đất cây xanh công cộng	CX	4.842,5	6,5							
		CX-01	*1.954,7*	*2,6*							
		CX-02	*2.151,4*	*2,9*							
		CX-03	*736,4*	*1,0*							
V	Đất hạ tầng kỹ thuật	HTKT - P	4.557,8	6,2	5,0	1,0	0,04	161	161		
1	*Đất bãi đỗ xe*	*P*	*3.217,8*	*4,4*	*5,0*	*1,0*	*0,05*	*161*	*161*		
		P-01	*1.064,9*	*1,4*	*5,0*	*1,0*	*0,05*	*53*	*53*		
		P-02	*1.224,8*	*1,7*	*5,0*	*1,0*	*0,05*	*61*	*61*		
		P-03	*928,1*	*1,3*	*5,0*	*1,0*	*0,05*	*46*	*46*		
2	*Đất hạ tầng kỹ thuật*	*HTKT*	*1.340,0*	*1,8*							
VI	Đất giao thông	GT	31.794,7	42,9							

BẢNG TỔNG HỢP QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

Stt	Loại đất quy hoạch	Ký hiệu	Diện tích	Tỷ lệ
			(m2)	(%)
	Tổng diện tích đất lập quy hoạch		74.104,0	100,0
I	Đất nhà ở	LK-TDC	25.875,3	34,9
1	Đất nhà ở liền kề	LK	20.208,0	27,3
2	Đất nhà ở tái định cư	TDC	5.667,3	7,6
II	Đất thể dục thể thao	TD	2.362,4	3,2
III	Đất dịch vụ thương mại	DV	4.671,3	6,3
IV	Đất cây xanh công cộng	CX	4.842,5	6,5
V	Đất hạ tầng kỹ thuật, bãi đỗ xe	HTKT - P	4.557,8	6,2
1	Đất bãi đỗ xe	P	3.217,8	4,4
2	Đất hạ tầng kỹ thuật	HTKT	1.340,0	1,8
VI	Đất giao thông		31.794,7	42,9

KÍ HIỆU

- RANH GIỚI QUY HOẠCH
- ĐẤT Ở LIÊN KẾ
- ĐẤT Ở TÁI ĐỊNH CƯ
- ĐẤT DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI
- ĐẤT THỂ DỤC THỂ THAO
- ĐẤT CÂY XANH CÔNG CỘNG
- ĐẤT BÃI ĐỖ XE
- ĐẤT HẠ TẦNG KỸ THUẬT

KÝ HIỆU Ô ĐẤT

DIỆN TÍCH (m2) | MẬT ĐỘ XÂY DỰNG (%)

TẦNG CAO TRUNG BÌNH (TẦNG) | HỆ SỐ SỬ DỤNG ĐẤT (LẦN)

BẢNG TỌA ĐỘ MỐC RANH

Theo hệ tọa độ VN-2000

Số hiệu điểm	Tọa độ X	Tọa độ Y	Cạnh (m)
1	2387981.857	538945.214	404.11
2	2387858.764	538852.631	205.20
3	2387652.439	538838.709	69.52
4	2387584.580	538845.494	21.38
5	2387562.857	538840.655	136.05
6	2387513.868	538825.609	145.69
7	2387429.494	538911.717	134.06
8	2387742.837	538968.947	19.38
9	2387761.283	538968.110	40.10
10	2387801.364	538970.378	117.89
1	2387918.857	538945.214	

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:

UBND HUYỆN HẠ HOÀ

KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ: ...../QĐ-UBND NGÀY ..... THÁNG ..... NĂM 2025

CƠ QUAN LẬP VÀ THẨM ĐỊNH:

PHÒNG KINH TẾ VÀ HẠ TẦNG

KÈM THEO BIÊN BẢN SỐ: ...../..... NGÀY ..... THÁNG ..... NĂM 2025

CƠ QUAN THOẢ THUẬN:

UBND XÃ XUÂN ÁNG

CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:

QUY HOẠCH CHI TIẾT TỶ LỆ 1/500 ĐIỂM DÂN CƯ NÔNG THÔN PHỤC VỤ TÁI ĐỊNH CƯ VÀ ĐẤU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT THUỘC KHU 15 - XÃ XUÂN ÁNG - HUYỆN HẠ HOÀ

ĐỊA ĐIỂM: KHU 15 - XÃ XUÂN ÁNG - HUYỆN HẠ HOÀ - TỈNH PHÚ THỌ

TÊN BẢN VẼ:

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT

BẢN VẼ: 01-15	GIAI ĐOẠN: TỔNG	TỶ LỆ: 1/500	THÁNG ..... NĂM 2025
THIẾT KẾ - VẼ	HÀ XUÂN HIỆU		
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	NGUYỄN QUỐC TRUNG		
QUẢN LÝ KỸ THUẬT	NGUYỄN QUỐC TRUNG		

P.GIÁM ĐỐC:

NGUYỄN THÀNH VI

SỞ XÂY DỰNG PHÚ THỌ

TRUNG TÂM QUY HOẠCH XÂY DỰNG PHÚ THỌ

Địa chỉ: Số 419 - Đường Hùng Vương - TP. Việt Trì - T. Phú Thọ - Tel: 0210.3.817.666 - Fax: 0210.3.826.201 - Email: ...